

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2018/DS-ST**
Ngày: 18-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vũ
2. Bà Nguyễn Thị Diên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108 /2018/QĐXXST-DS ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: đường Đạo, phường N, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Q, xã T, thành phố T, tỉnh Hậu Giang (đại diện theo văn bản ủy quyền số 279/2018/QĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 - anh T có mặt)

2. *Bị đơn:* chị Lê Thị Anh P, sinh năm 1979 (có mặt) và anh Hồ Văn Đ, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt); cùng địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2018, biên bản lấy lời khai và trong quá

trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do anh Nguyễn Thành T trình bày:

Ngày 09/3/2016 Ngân hàng TMCP B - phòng giao dịch V ký hợp đồng tín dụng cho vợ chồng chị P và anh Đ vay số tiền 135.000.000đ. Hình thức vay trừ lương hàng tháng của chị P, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay 10,6%/năm cố định từ ngày 11/3/2016 đến ngày 10/3/2017, phương thức áp dụng lãi suất sau ngày 10/3/2017 áp dụng lãi suất thả nổi theo lãi suất xếp hạng tín dụng của L tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của L, kỳ hạn trả nợ gốc trả định kỳ hàng tháng vào ngày 20, kỳ hạn trả lãi trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Bị đơn chị P, anh Đ đã thanh toán được 24 kỳ nợ gốc số tiền là 54.000.000đ, tiền lãi là 26.477.403đ. Kể từ ngày 23/3/2018 chị P, anh Đ không thanh toán nợ gốc, tiền lãi cho ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng về thời hạn trả nợ, do đó số tiền nợ gốc còn thiếu đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn nợ số tiền là 87.110.068đ (trong đó nợ gốc là 81.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.539.794đ, tiền lãi quá hạn 570.274đ). Nay yêu cầu vợ chồng chị P, anh Đ trả số tiền là 87.110.068đ, đồng thời trong thời gian chưa thanh toán nợ phải chịu lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn chị Lê Thị Anh P trình bày: Chị thống nhất số tiền nợ gốc, tiền lãi vợ chồng còn thiếu đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2018 là 87.110.068đ, chị đồng ý trả số tiền trên, thống nhất chịu tiền lãi quá hạn theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin trả dần nhiều lần, cụ thể vào đầu tháng 10/2018 trả hàng tháng đến khi dứt nợ và đến tết 2018 (khoảng tháng 12/2018) trả 06 tháng nợ gốc, tiền lãi chưa thanh toán.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bị đơn chị P, anh Đ đã vi phạm hợp đồng vay về thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc là và tiền lãi là 87.110.068đ (trong đó nợ gốc là 81.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.539.794đ, tiền lãi quá hạn 570.274đ), yêu cầu trả 01 lần là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Hồ Văn Đ có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi là 87.110.068đ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn vợ chồng chị P, anh Đ có nơi cư trú trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] *Về nội dung:* Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn vợ chồng chị P, anh Đ thanh toán số tiền vay nợ gốc là 81.000.000đ, tiền lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.110.068đ. Tại phiên tòa, bị đơn chị P thống nhất số nợ còn thiếu nêu trên và đồng ý trả nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 (*quy định các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án công nhận số nợ vay các bên thừa nhận nêu trên là sự thật.

Tuy nhiên, bị đơn có nại ra do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần nhiều lần nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp thuận. Xét thấy khoản tiền lãi yêu cầu và được bị đơn đồng ý trả là phù hợp theo Điều 91 (*quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng*) của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; nhưng các bên không thỏa thuận được phương thức trả nợ. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*); Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*) của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 (*quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng*) của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc, tiền lãi tổng cộng là 87.110.068đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị P, anh Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn chị P, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $87.110.068đ \times 5\% = 4.355.503đ$.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Buộc bị đơn chị Lê Thị Anh P, anh Hồ Văn Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền vay nợ gốc và tiền lãi là 87.110.068đ (trong đó nợ gốc là 81.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.539.974đ, tiền lãi quá hạn 570.274đ).

Đồng thời chị P, anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này.

2- Án phí sơ thẩm: Buộc chị P, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.355.503đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.059.000đ theo biên lai thu số 0005589 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng